



CÔNG TY CP VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÙ NHUẬN
PHU NHUAN JEWELRY JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN PNJ

QUÝ I NĂM 2018

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Báo cáo tài chính riêng quý 01

Ngày 31 tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	2
Bảng cân đối kế toán riêng đến 31/03/2018	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2018	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 31/03/2018	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 1/2018	7 - 27

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 275 cửa hàng tại các tỉnh thành ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Lê Hữu Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Mỹ hạnh	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Dư	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Lê Anh Đức	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều Hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Giám đốc Xí nghiệp nữ trang
Bà Đặng Thị Lài	Giám đốc Khối Tài chính Kế toán
Bà Trần Thị Thu Hà	Giám đốc Khối Bán lẻ
Bà Nguyễn Hoàng Anh	Giám đốc Khối Marketing
Ông Nguyễn Hoàng Châu	Giám đốc Khối Cung ứng
Ông Đào Trung Kiên	Giám đốc Khối Chiến lược
Ông Nguyễn Ngọc Trân	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin
Ông Nguyễn Anh Hùng	Giám đốc Khối Nguồn nhân lực
Ông Dương Quang Hải	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 - Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính : VNĐ

	CHỈ TIÊU	MS	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,862,041,220,545	3,887,420,813,235
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76,930,774,375	167,814,376,098
1	Tiền	111		76,930,774,375	103,764,376,098
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	64,050,000,000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		65,000,000	160,065,000,000
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65,000,000	160,065,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126,173,963,401	103,698,291,895
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		56,522,608,416	43,171,219,149
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44,291,796,830	32,814,615,983
6	Phải thu ngắn hạn khác	136		25,303,735,184	27,577,078,743
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		55,822,971	135,378,020
IV	Hàng tồn kho	140		3,587,110,381,775	3,383,605,076,098
1	Hàng tồn kho	141		3,587,110,381,775	3,383,605,076,098
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		71,761,100,994	72,238,069,144
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61,255,088,363	67,127,740,474
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		134,675,684	20,455,201
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		10,371,336,947	5,089,873,469
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		828,940,640,990	608,883,714,734
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		45,201,826,733	41,746,375,257
6	Phải thu dài hạn khác	216		45,201,826,733	41,746,375,257
II	Tài sản cố định	220		666,124,201,987	484,699,732,543
1	Tài sản cố định hữu hình	221		205,455,564,695	203,204,284,453
	- Nguyên giá	222		402,718,916,338	391,425,135,871
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(197,263,351,643)	(188,220,851,418)
3	Tài sản cố định vô hình	227		460,668,637,292	281,495,448,090
	- Nguyên giá	228		466,255,407,873	286,740,907,873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,586,770,581)	(5,245,459,783)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		34,585,310,216	9,665,078,966
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		34,585,310,216	9,665,078,966
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		20,000,000,000	20,000,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		395,271,613,400	395,271,613,400
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		63,029,302,054	52,772,527,968
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		60,590,282,630	50,333,508,544
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,439,019,424	2,439,019,424
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,690,981,861,535	4,496,304,527,969

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
QUÝ 1 - Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

C	NỢ PHẢI TRẢ	300	1,496,431,432,256	1,549,664,382,047
I	Nợ ngắn hạn	310	1,410,542,775,256	1,495,725,175,047
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	275,885,544,489	279,319,406,605
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	44,227,906,145	37,742,598,354
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	128,628,800,724	116,383,358,330
4	Phải trả người lao động	314	69,542,496,536	97,064,244,559
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	90,815,991,970	4,629,017,766
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1,368,436,364	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	51,486,953,576	51,847,439,279
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	711,313,899,131	857,278,850,200
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	37,272,746,321	51,460,259,954
II	Nợ dài hạn	330	85,888,657,000	53,939,207,000
7	Phải trả dài hạn khác	337	628,026,000	628,026,000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	78,184,314,000	46,234,864,000
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	7,076,317,000	7,076,317,000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	3,194,550,429,279	2,946,640,145,922
I	Vốn chủ sở hữu	410	3,194,550,429,279	2,946,640,145,922
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	1,081,020,340,000	1,081,020,340,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	876,761,282,458	876,761,282,458
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(7,090,000)	(7,090,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	220,087,556,918	220,087,556,918
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,016,688,339,903	768,778,056,546
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a	682,296,996,546	153,436,032,604
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	334,391,343,357	615,342,023,942
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	4,690,981,861,535	4,496,304,527,969

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
- Đô la Mỹ ("\$")	35,735	83,539
- Vàng thỏi (chỉ)	9,270	6,170
- Đô la Úc ("AUD")	473	477
- Đồng Euro ("EUR")	505	7,670

Nguyễn Thành Đạt
Người lập

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2018

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 NĂM 2018

TT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Q1/2018	Q1/2017	LŨY KẾ 2018	LŨY KẾ 2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	4,152,187,401,452	3,134,931,371,565	4,152,187,401,452	3,134,931,371,565
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26,999,709,850	17,673,134,699	26,999,709,850	17,673,134,699
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	14.1	4,125,187,691,602	3,117,258,236,866	4,125,187,691,602	3,117,258,236,866
4	Giá vốn hàng bán	11	15	3,364,545,666,630	2,575,627,300,009	3,364,545,666,630	2,575,627,300,009
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		760,642,024,972	541,630,936,857	760,642,024,972	541,630,936,857
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.2	5,990,816,429	1,941,614,976	5,990,816,429	1,941,614,976
7	Chi phí tài chính	22	16	14,148,533,182	19,134,863,796	14,148,533,182	19,134,863,796
	<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	23		13,718,171,796	18,419,684,099	13,718,171,796	18,419,684,099
8	Chi phí bán hàng	25	17	276,429,668,418	178,732,679,586	276,429,668,418	178,732,679,586
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		58,782,765,348	37,525,778,232	58,782,765,348	37,525,778,232
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		417,271,874,453	308,179,230,219	417,271,874,453	308,179,230,219
11	Thu nhập khác	31		1,057,572,840	230,801,025	1,057,572,840	230,801,025
12	Chi phí khác	32		130,418,904	396,224,952	130,418,904	396,224,952
13	Lợi nhuận khác	40		927,153,936	(165,423,927)	927,153,936	(165,423,927)
14	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		418,199,028,389	308,013,806,292	418,199,028,389	308,013,806,292
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	83,807,685,032	61,712,888,724	83,807,685,032	61,712,888,724
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		334,391,343,357	246,300,917,568	334,391,343,357	246,300,917,568
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3,093	2,506	3,093	2,506

(Handwritten signature)

Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 18 tháng 04 năm 2018



Dương Quang Hải
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 1 NĂM 2018

STT	CHỈ TIÊU	MS	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	418,199,028,389	308,013,806,292
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9,720,871,023	9,410,430,908
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5,892,954,659)	(1,348,212,636)
	- Chi phí lãi vay	06	13,718,171,796	18,419,684,099
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	435,745,116,549	334,495,708,663
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31,212,586,460)	(23,126,678,958)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(203,505,305,677)	(9,831,797,326)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	61,925,751,715	(16,741,995,277)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4,384,121,975)	(2,910,504,305)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(13,621,293,461)	(19,024,102,234)
	- Thuế TNDN đã nộp	15	(86,982,268,924)	(58,219,724,983)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		57,025,230
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(658,586,465)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	157,306,705,302	204,697,930,810
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(216,065,571,717)	(8,651,620,479)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	100,000,000	4,000,000
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	160,000,000,000	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5,892,954,659	1,348,212,636
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50,072,617,058)	(7,299,407,843)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền thu từ đi vay	33	1,147,089,495,620	740,096,780,632
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,261,451,068,707)	(966,994,299,794)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(83,756,116,880)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(198,117,689,967)	(226,897,519,162)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(90,883,601,723)	(29,498,996,195)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	167,814,376,098	150,275,926,525
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	76,930,774,375	120,776,930,330

Nguyễn Thành Đạt

Người lập

Ngày 18 tháng 04 năm 2018

Dương Quang Hải

Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung

Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 275 cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 5.113 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 5.004 người).

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Công ty có 50 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày kết thúc kỳ báo cáo và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo qui định hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

V. CÁC SỰ KIỆN VÀ GIAO DỊCH TRỌNG YẾU

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	48,711,219,618	61,156,455,977
Tiền gửi ngân hàng	23,039,935,639	35,281,922,078
Tiền đang chuyển	5,179,619,118	7,325,998,043
Tương đương tiền	-	64,050,000,000
TỔNG CỘNG	76,930,774,375	167,814,376,098

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	65,000,000	160,065,000,000
_ Ngân hàng An Bình	65,000,000	65,000,000
_ Ngân hàng Phương Đông	-	40,000,000,000
_ Ngân hàng Bản Việt	-	80,000,000,000
_ Ngân hàng Đông Nam Á	-	40,000,000,000
CỘNG	65,000,000	160,065,000,000
b. Dài hạn		
Đầu tư vào Công ty con	20,000,000,000	20,000,000,000
_ Công ty Thời Trang CAO	10,000,000,000	10,000,000,000
_ Công ty Giám Định PNJ	10,000,000,000	10,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
_ Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB)	395,271,613,400	395,271,613,400
_ Dự phòng giảm giá đầu tư (EAB) (*)	(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
CỘNG	20,000,000,000	20,000,000,000

Công ty TNHH Một Thành Viên Thời Trang CAO (CFC) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 14 tháng 08 năm 2009. CFC có trụ sở chính tại số 170E Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là Bán lẻ trang sức vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức.

Công ty TNHH Một Thành Viên Giám Định PNJ (PLC) được PNJ đầu tư 100% vốn, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở chính tại số 168A Phan Đăng Lưu, phường 3, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Ngành nghề kinh doanh là dịch vụ giám định kim cương, vàng, hợp kim vàng, kim loại quý, kim loại màu, đá quý, đá bán quý và các khoáng vật; các loại đá màu, cẩm thạch.

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Ngân hàng TMCP Đông Á vẫn trong diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà Nước và cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i>
FH Trautz GmBh	6,206,721,213	6,579,765,533
Công ty DC&D	9,099,027,968	3,934,729,248
Phải thu Công ty CAO	3,852,596,671	3,721,391,377
Phải thu khách hàng khác	37,364,262,564	28,935,332,991
TỔNG CỘNG	56,522,608,416	43,171,219,149

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i>
a. Ngắn hạn		
_Tạm ứng nhân viên	3,625,607,779	764,280,291
_Phải thu khách Cầm đồ	3,400,000,000	-
_Phải thu Công ty CAO	14,024,882,422	16,759,580,292
_Phải thu khác	4,253,244,983	10,053,218,160
TỔNG CỘNG	25,303,735,184	27,577,078,743
a. Dài hạn		
_Ký quỹ dài hạn thuê mặt bằng	45,201,826,733	41,746,375,257
TỔNG CỘNG	45,201,826,733	41,746,375,257

5. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngày 31 tháng 03</i> <i>năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i>
Hàng mua đang đi trên đường	61,869,083,354	74,485,287,071
Nguyên vật liệu	247,241,753,921	195,479,212,962
Công cụ, dụng cụ	35,474,102,921	37,395,279,155
Chi phí sản xuất dở dang	269,636,918,379	241,475,582,475
Thành phẩm	215,034,130,675	336,815,539,305
Hàng hóa	2,685,845,114,890	2,446,952,563,390
Hàng gửi đi bán	72,009,277,635	51,001,611,740
TỔNG CỘNG	3,587,110,381,775	3,383,605,076,098

Hàng tồn kho trị giá 642.916.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 9).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí CCDC phân bổ	44,672,584,521	45,887,075,745
Chi phí thuê nhà	9,003,403,416	10,582,202,902
Chi phí đồng phục	120,143,422	3,021,579,248
Chi phí sửa chữa, bảo trì	3,794,365,158	3,854,695,805
Chi phí khác	3,664,591,846	3,782,186,774
TỔNG CỘNG	61,255,088,363	67,127,740,474

DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí CCDC phân bổ	28,620,295,653	23,339,302,147
Chi phí thuê nhà	2,101,220,000	1,213,200,000
Chi phí sửa chữa, bảo trì	27,752,139,862	24,269,615,250
Chi phí khác	2,116,627,115	1,511,391,147
TỔNG CỘNG	60,590,282,630	50,333,508,544

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC:

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nộp trong kỳ	Số đã thu/ nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a.Các khoản phải thu				
Thuế GTGT nhập khẩu	5,040,800,081	37,173,550,496	31,960,140,013	10,254,210,564
Thuế GTGT được khấu trừ	20,455,201	120,158,551	5,938,068	134,675,684
Thuế XNK	46,573,388	1,368,430,755	1,299,877,760	115,126,383
Thuế khác	2,500,000	2,000,000	2,500,000	2,000,000
TỔNG	5,110,328,670	38,664,139,802	33,268,455,841	10,506,012,631
b.Các khoản phải nộp				
Thuế GTGT	24,264,332,943	74,898,691,045	61,569,204,240	37,593,819,748
Thuế TNDN	86,605,166,561	83,807,685,032	86,982,268,924	83,430,582,669
Thuế TNCN	917,431,555	15,176,128,618	13,085,589,137	3,007,971,036
Thuế khác	4,596,427,271	240,615,000	240,615,000	4,596,427,271
TỔNG	116,383,358,330	174,123,119,695	161,877,677,301	128,628,800,724

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

PHÂN LOẠI	NHÀ CỬA	MÁY MÓC	PT VẬN TẢI	TB QUẢN LÝ	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ					
1. Đầu kỳ	135,768,102,826	188,951,888,481	23,459,146,196	43,245,998,368	391,425,135,871
2. Tăng trong kỳ	1,985,500,000	8,085,192,692	-	1,560,147,775	11,630,840,467
3. Giảm trong kỳ	-	-	337,060,000	-	337,060,000
4. Cuối kỳ	137,753,602,826	197,037,081,173	23,122,086,196	44,806,146,143	402,718,916,338
Trong đó,					
Tài sản đã khấu hao hết	523,216,400	58,256,952,335	2,519,324,126	29,608,676,702	90,908,169,563
II. HAO MÒN					
1. Đầu kỳ	31,462,829,253	116,599,727,522	8,044,030,482	32,114,264,161	188,220,851,418
2. Tăng trong kỳ	1,473,936,798	6,030,622,238	653,193,652	1,221,807,537	9,379,560,225
3. Giảm trong kỳ	-	-	337,060,000	-	337,060,000
4. Cuối kỳ	32,936,766,051	122,630,349,760	8,360,164,134	33,336,071,698	197,263,351,643
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Đầu kỳ	104,305,273,573	72,352,160,959	15,415,115,714	11,131,734,207	203,204,284,453
2. Cuối kỳ	104,816,836,775	74,406,731,413	14,761,922,062	11,470,074,445	205,455,564,695

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

PHÂN LOẠI	QUYỀN SD ĐẤT	NHÃN HIỆU	PHẦN MỀM	TỔNG
I. NGUYÊN GIÁ				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	96,000,000	6,982,250,583	286,740,907,873
2. Tăng trong kỳ	179,514,500,000	-	-	179,514,500,000
3. Giảm trong kỳ				-
4. Cuối kỳ	459,177,157,290	96,000,000	6,982,250,583	466,255,407,873
II. HAO MÒN				
1. Đầu kỳ	-	96,000,000	5,149,459,783	5,245,459,783
2. Tăng trong kỳ	-	-	341,310,798	341,310,798
3. Giảm trong kỳ			-	-
4. Cuối kỳ	-	96,000,000	5,490,770,581	5,586,770,581
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
1. Đầu kỳ	279,662,657,290	-	1,832,790,800	281,495,448,090
2. Cuối kỳ	459,177,157,290	-	1,491,480,002	460,668,637,292

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Shop House Vincom -Thanh Hóa	9,468,078,966	9,468,078,966
Nhà và QSDĐ Nguyễn An Ninh - BD	24,920,231,250	-
Xây dựng cơ bản khác	197,000,000	197,000,000
TỔNG CỘNG	34,585,310,216	9,665,078,966

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
a.Ngắn hạn		
Vay từ Ngân hàng thương mại	513,179,255,721	636,302,797,462
Huy động vốn cá nhân	194,434,643,410	217,276,052,738
Vay dài hạn đến hạn trả	3,700,000,000	3,700,000,000
TỔNG	711,313,899,131	857,278,850,200
b.Dài hạn		
Vay từ Ngân hàng thương mại	11,100,000,000	11,100,000,000
Huy động vốn cá nhân	67,084,314,000	35,134,864,000
TỔNG	78,184,314,000	46,234,864,000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY NGẮN HẠN VNĐ	404,190,797,660			
Ngân hàng TNHH CTBC - CN TP.HCM	67,000,000,000	Từ ngày 05 tháng 06 đến ngày 19 tháng 07 năm 2018	4.5%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN1	195,016,931,134	Từ ngày 19 tháng 06 đến ngày 02 tháng 07 năm 2018	Từ 5.2% đến 5.3%	Hàng tồn kho
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	40,000,000,000	Từ ngày 16 tháng 04 đến ngày 07 tháng 05 năm 2018	Từ 5.0% đến 5.3%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB	93,166,158,526	Từ ngày 04 tháng 05 đến ngày 07 tháng 05 năm 2018	5.0%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng
Ngân hàng TMCP Quân Đội	9,007,708,000	Ngày 06 tháng 05 năm 2018	5.2%	Tín chấp
VAY NGẮN HẠN NGOẠI TỆ	108,988,458,061			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB (1,800,331 USD)	41,083,560,722	Từ ngày 07 tháng 05 đến ngày 27 tháng 05 năm 2018	2.8%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng
Ngân hàng BIDV CN Hóc Môn (625,475 USD)	14,279,516,418	Từ ngày 06 tháng 05 đến ngày 07 tháng 05 năm 2018	2.6%	Hàng tồn kho
Ngân hàng OCB TP.HCM (1.522.852 USD)	34,751,486,519	Từ ngày 12 tháng 07 đến ngày 19 tháng 07 năm 2018	3.0%	Tín chấp
Ngân hàng SEABANK CN Tân Bình (827.076 USD)	18,873,894,402	Từ ngày 29 tháng 04 đến ngày 08 tháng 05 năm 2018	3.0%	Nhà 123 Hùng Vương, Đà Nẵng và hàng tồn kho
HUY ĐỘNG VỐN	194,434,643,410		7.6%	Tín chấp
VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	3,700,000,000			
VAY NGẮN HẠN	711,313,899,131			

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY DÀI HẠN VNĐ	14,800,000,000			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	14,800,000,000	Ngày 22 tháng 01 năm 2021	9.0%	Nhà PG1-05 Vincom Cần Thơ
TRONG ĐÓ : ĐẾN HẠN TRẢ	3,700,000,000			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	3,700,000,000			
HUY ĐỘNG VỐN	67,084,314,000		7.6%	Tín chấp
VAY DÀI HẠN	78,184,314,000			

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Forte Jewellery (HK)	39,927,795,290	65,477,465,822
Công ty Liên Nguyễn	93,481,820	40,143,266,820
Công ty Quang Vinh Nguyễn	6,640,446,777	39,082,098,777
Công ty Shrenuj Fareast	33,039,223,092	27,539,371,113
Các khách hàng khác	196,184,597,510	107,077,204,073
TỔNG CỘNG	275,885,544,489	279,319,406,605

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
a. Ngắn hạn		
_ Kinh phí công đoàn	2,394,415,327	1,148,661,431
_ Thường HĐQT và Ban Giám Đốc	12,200,000,000	12,200,000,000
_ Quỹ hoạt động HĐQT	3,198,939,568	3,208,939,568
_ Quỹ hoạt động Ban Giám Đốc	1,170,901,517	1,198,901,517
_ Quỹ Công đoàn	6,102,599,314	6,062,859,444
_ Cổ tức phải trả	3,665,926,645	2,876,064,645
_ DNTN Tuần Ngân	4,827,162,635	10,281,582,283
_ Phải trả khác	17,927,008,570	14,870,430,391
TỔNG	51,486,953,576	51,847,439,279
b. Dài hạn		
_ Nhận ký quỹ cho thuê mặt bằng	628,026,000	628,026,000
TỔNG	628,026,000	628,026,000

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

B09a-DN

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	982,745,770,000		(7,090,000)	144,087,556,918	372,005,127,004	1,498,831,363,922
Tăng vốn điều lệ	98,274,570,000	876,761,282,458	-	-	-	975,035,852,458
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	723,443,348,942	723,443,348,942
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(186,720,419,400)	(186,720,419,400)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	76,000,000,000	(139,950,000,000)	(63,950,000,000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	76,000,000,000	(76,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(45,000,000,000)	(45,000,000,000)
Trích quỹ hoạt động của HĐQT	-	-	-	-	(6,750,000,000)	(6,750,000,000)
Trích quỹ hoạt động của BGD	-	-	-	-	(12,200,000,000)	(12,200,000,000)
Thường HĐQT và BGD	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1,081,020,340,000	876,761,282,458	(7,090,000)	220,087,556,918	768,778,056,546	2,946,640,145,922
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	334,391,343,357	334,391,343,357
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(86,481,060,000)	(86,481,060,000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này (Ngày 31/03/2018)	1,081,020,340,000	876,761,282,458	(7,090,000)	220,087,556,918	1,016,688,339,903	3,194,550,429,279

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, PNJ đã thực hiện thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt (8%/ cổ phiếu)
(Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 1607/2017/NQ-HĐQT-CTY ngày 24 tháng 11 năm 2017)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
		VNĐ
Tổng doanh thu	4,152,187,401,452	3,134,931,371,565
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán vàng và bạc</i>	4,141,843,041,883	3,126,129,401,813
<i>Doanh thu bán phụ kiện</i>	7,269,210,718	6,621,607,288
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3,075,148,851	2,180,362,464
Khấu trừ:	(26,999,709,850)	(17,673,134,699)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(26,999,709,850)	(17,673,134,699)
	<hr/> 4,125,187,691,602	<hr/> 3,117,258,236,866
Doanh thu thuần	4,125,187,691,602	3,117,258,236,866
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán vàng và bạc</i>	4,114,843,332,033	3,108,461,878,932
<i>Doanh thu bán phụ kiện</i>	7,269,210,718	6,615,995,470
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3,075,148,851	2,180,362,464

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
		VNĐ
Cổ tức nhận được	0	0
Lãi chênh lệch tỷ giá	97,861,769	593,402,340
Lãi tiền gửi	42,737,261	38,999,480
Lãi tiền gửi tiết kiệm	5,850,217,399	1,309,213,156
TỔNG CỘNG	<hr/> 5,990,816,429	<hr/> 1,941,614,976

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
		VNĐ
Giá vốn bán vàng và bạc và cung cấp dịch vụ	3,359,378,740,910	2,571,009,799,258
Giá vốn bán phụ kiện	5,166,925,720	4,617,500,751
TỔNG CỘNG	<hr/> 3,364,545,666,630	<hr/> 2,575,627,300,009

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	13,718,171,796	18,419,684,099
Chi phí tài chính khác	8,799,209	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá	421,562,177	715,179,697
TỔNG CỘNG	14,148,533,182	19,134,863,796

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017</i>
Chi phí vật liệu, bao bì	8,070,436,602	3,933,182,202
Chi phí nhân công	161,693,692,818	97,005,636,962
Chi phí công cụ, dụng cụ	18,948,587,448	10,416,112,012
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản	3,727,125,144	3,871,846,191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50,980,651,480	35,306,628,814
Chi phí khác mua ngoài	91,791,940,274	65,725,051,637
TỔNG CỘNG	335,212,433,766	216,258,457,818

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

18.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
Lợi nhuận trước thuế	418,199,028,389	308,013,806,292
<i>Các điều chỉnh:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	839,396,774	550,637,328
- Chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	419,038,425,163	308,564,443,620
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	83,807,685,032	61,712,888,725

18.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12		Báo cáo kết quả hoạt động lũy kế năm	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ				
- Chi phí phải trả	12,195,097,119	12,195,097,119	2,439,0199,424	2,439,0199,424
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh	12,195,097,119	12,195,097,119	2,439,0199,424	2,439,0199,424

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị
1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	4,889,879,456
		Mua hàng hóa	1,618,067,138
2. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	0
		Nhận Cung cấp dịch vụ	641,634,950
		Lãi vay huy động vốn	165,041,098

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>VNĐ</i>
			<i>Phải thu (Phải trả)</i>
1. PHẢI THU			17,877,479,093
<i>Phải thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</i>			3,852,596,671
Công ty TNHH MTV Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	3,852,596,671
<i>Các khoản phải thu khác</i>			14,024,882,422
Công ty TNHH MTV Thời trang CAO	Công ty con		14,024,882,422
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ	Công ty con	Cổ tức 2017	-
2. PHẢI TRẢ			(11,806,676,048)
<i>Phải trả mua hàng, cung cấp dịch vụ</i>			(309,415,770)
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ	Công ty con	Dịch vụ kiểm định	(309,415,770)
<i>Các khoản phải trả khác</i>			(11,497,260,278)
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ	Công ty con	Huy động vốn	(11,000,000,000)
		Lãi huy động vốn	(497,260,278)

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm	116,593,146,753	82,501,812,273
Từ 1 đến 5 năm	238,952,485,781	206,394,790,510
Trên 5 năm	97,976,912,908	107,251,092,000
TỔNG CỘNG	453,522,545,442	396,147,694,783

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 03 năm 2018

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, PNJ đã dự phòng 100% khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân Hàng TMCP Đông Á là 395.271.613.400 VNĐ

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 03 năm 2018

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ		
	Dự phòng	Dự phòng		
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính dài hạn	395,271,613,400	395,271,613,400	-	-
Phải thu khách hàng	52,670,011,745	39,449,827,772	52,670,011,745	39,449,827,772
Phải thu các bên liên quan	17,877,479,093	20,480,971,669	17,877,479,093	20,480,971,669
Các khoản phải thu khác	11,278,852,762	10,817,498,451	11,278,852,762	10,817,498,451
Tiền và tương đương tiền	76,930,774,375	167,814,376,098	76,930,774,375	167,814,376,098
TỔNG CỘNG	554,028,731,375	633,834,287,390	158,757,117,975	238,562,673,990
Nợ phải trả tài chính				
Vay		Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 03 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
		778,498,213,131	778,498,213,131	892,513,714,200
Phải trả người bán		275,576,128,719	275,576,128,719	293,224,925,923
Phải trả các bên liên quan		11,806,676,048	11,806,676,048	12,064,904,430
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả		141,805,685,268	141,805,685,268	56,144,237,865
TỔNG CỘNG		1,207,686,703,166	1,207,686,703,166	1,253,947,782,418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ

Tiếp tục đà tăng trưởng từ năm trước, kết quả kinh doanh quý 1/2018 của PNJ như sau :

Lợi nhuận trước thuế đạt 418,2 tỷ đồng tăng 36% so với cùng kỳ, đạt 38% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Nguyên nhân :

Doanh thu đạt 4.152 tỷ đồng tăng 32% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó doanh thu trang sức lẻ tiếp tục tăng trưởng tốt.

Tỷ lệ lãi gộp đạt 18,4% tăng đáng kể so với 17,3% quý 1 năm 2017

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh 5,8 tỷ đồng tiền lãi gửi tiết kiệm. Trong khi đó, chi phí lãi vay giảm đáng kể 4,7 tỷ đồng do dư nợ vay giảm và lãi suất vay cũng giảm

Chi phí hoạt động kinh doanh đạt 335 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ do chiến lược phát triển hệ thống cửa hàng và phát triển nguồn lực doanh nghiệp.


Nguyễn Thành Đạt
Người lập


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng




Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2018